TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 25/01/2021.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng

Ông Nguyễn Duy Thuấn

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 và ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2020/HNGĐ-PT ngày 19/10/2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐ-PT ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: phường T , thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo N – sinh ngày: 16/12/2003 và cháu Nguyễn Thảo M– sinh ngày: 02/8/2007.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chi tiêu kinh tế; vợ chồng tính tình không hợp nhau; không cùng chung quan điểm sống; cuộc sống vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, tin tưởng và chia sẻ dẫn đến tình cảm dần xa cách. Anh T có tính gia trưởng hay đánh đập vợ con nhiều lần, nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn xảy ra đã lâu, cho đến nay tôi không thể chịu đựng thêm được nữa nên từ khi nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì chúng tôi đã sống ly thân nhau cho đến nay. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyện vọng của các con chung xin được ở với tôi nên tôi đề nghị được nuôi dưỡng trực tiếp các con chung. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi các con chung là 02 cháu: Nguyễn Thảo M, sinh ngày 02/8/2007, Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16/12/2003 và 02 con đồng ý thì tôi đồng ý giao cho anh T nuôi dưỡng vì tôi tôn trọng nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Tôi và cô Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo N – sinh ngày: 16/12/2003 và cháu Nguyễn Thảo M – sinh ngày: 02/8/2007.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2019, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cả hai bên, do tính tình không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có sự đồng cảm quan tâm và chia sẻ dẫn đến tình cảm vợ chồng dần xa cách. Trong quá trình xảy ra mâu thuẫn thì cô H có lời lẽ xúc phạm đến tôi nên cũng có lần tôi tát cô H 01 cái. Tôi phát hiện vợ tôi quen với người con trai khác. Việc mâu thuẫn, cãi vã trong gia đình thì nhà nào cũng có, tôi nhận thấy các con tôi còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu vợ tôi vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 02/8/2007 và nếu cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16/12/2003 đồng ý sống cùng tôi thì tôi yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thảo N – sinh ngày: 16/12/2003 và Nguyễn Thảo M – sinh ngày: 02/8/2007 cho bà Phạm Thị H nuôi dưỡng trực tiếp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/09/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc ly hôn, con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị H, mong muốn gia đình được đoàn tụ để nuôi dạy, chăm sóc 02 con. Trong quá trình tham gia tố tụng phúc thẩm ông Nguyễn Văn T thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của bà Phạm Thị H để gia đình đoàn tụ chăm sóc con chung.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm số: 106/2020/HNGĐ-ST ngày 09

tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án.

[2] Về nội dụng: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do tính tình không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống, vợ chồng không có sự đồng cảm quan tâm và chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến tình cảm xa cách. Ông T có tính gia trưởng, hay đánh đập vợ con nhiều lần, nghi ngờ bà H ngoại tình. Phía ông T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống hai bên có nhiều mâu thuẫn, ông T có đánh bà H và phát hiện bà H có quen với người con trai khác. Quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải cho ông T và bà H đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc các con nhưng không có hướng khắc phục tình cảm vợ chồng, về phía bà H không đồng ý đoàn tụ, cả ông T và bà H đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo N – sinh ngày: 16/12/2003 và cháu Nguyễn Thảo M– sinh ngày: 02/8/2007. Ông T, bà H đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cả ông T và bà H có công việc, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Hiện, cháu M, cháu N đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu có

nguyện vọng được ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, một mình bà H vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đảm bảo đủ các điều kiện về sinh hoạt, học tập và duy trì cuộc sống ổn định. Cháu M và cháu N cũng xác định trong cuộc sống ông T ít quan tâm, chăm sóc các cháu. Mặt khác, cả hai cháu đều là con gái nên ở với mẹ việc chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo N và cháu Nguyễn Thảo M cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo N và cháu Nguyễn Thảo M với mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ủa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 106/2020/HNGĐ-ST ngày 09/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thảo N – sinh ngày: 16/12/2003 và Nguyễn Thảo M – sinh ngày: 02/8/2007 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0012896 mà ông T đã nộp ngày 18/09/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung